TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2023/DS-ST
Ngày: 27-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

2. Bà Đặng Thị Ngọc Bích

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Lệ Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 950/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4415/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 5030/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

Ông Phạm Ngọc T, trú tại: Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 04/5/2023).

Ông Phạm Ngọc T có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Ngọc Mỹ C, sinh năm 2003

Địa chỉ: Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Ngọc Mỹ C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 9 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn- Ngân hàng TMCP Q - Có Ông Phạm Ngọc T- Đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 15/11/2021, Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Tân Thành- Gọi tắt là Q BANK và Bà Trần Ngọc Mỹ C ký kết Hợp đồng tín dụng số: 4685935.21 với nội dung: Q BANK giải ngân cho Bà C số tiền 710.000.000đ (Bảy trăm mười triệu đồng); Mục đích mua 01 xe ô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: CIVIC RS, biển số: 51K-031.xx; Thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày 18/11/2021 đến ngày 17/11/2029.

Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,1%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày khoản vay được giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng/một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của Q BANK tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%; Hoàn trả khoản tín dụng gốc: Hàng tháng trả vào ngày 15. Số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 7.395.833 đồng. Số tiền còn lại trả vào kỳ cuối cùng. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là 15/12/2021. Ngày trả lãi: Vào ngày 15 hàng tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 17/11/2021, Q BANK đã giải ngân cho Bà C theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số: 9643049.21 với số tiền 710.000.000đ (Bảy trăm mười triệu đồng) theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Bà C luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy, Q BANK đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 15/02/2022. Mặc dù Q BANK luôn đôn đốc khách hàng thanh toán dứt nợ nhưng khách hàng vẫn không thực hiện, cố tình kéo dài thời gian trả nợ cho Q BANK.

Tạm tính đến ngày 27/7/2023, Bà C đã thanh toán cho Q BANK số tiền là 25.212.999 đồng (gốc: 14.826.351 đồng, lãi: 10.386.648 đồng).

Tạm tính đến ngày 27/7/2023, Bà C còn nợ Q BANK số tiền: 880.551.398 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 695.173.649 đồng, nợ lãi phát sinh là: 185.377.749 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án:

Buộc Bà C trả ngay cho Q BANK số tiền (tạm tính đến ngày 27/7/2023) là 880.551.398 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 695.173.649 đồng, nợ lãi phát sinh là: 185.377.749 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 28/7/2023 cho đến khi Bà C thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký với Q BANK.

Q BANK không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản bảo đảm ghi trong Hợp đồng tín dụng là xe ô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: CIVIC RS, biển số: 51K-031.xx.

** Đối với Bị đơn- Bà Trần Ngọc Mỹ C:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng Bà C không có văn bản phản hồi ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Bà C không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Nguyên đơn đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử…được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Ngày 15/11/2021 và ngày 17/11/2021, Bà Trần Ngọc Mỹ C cùng Ngân hàng TMCP Q- sau đây gọi tắt là Ngân hàng- xác lập hợp đồng tín dụng và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ. Do Bà C không thanh toán đúng hạn số tiền như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp.

Bà C là Bị đơn, có nơi cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1 theo quy định tại

khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Bà C được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bà C.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc Bà C phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 695.173.649 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn; xét thấy, có đủ cơ sở xác định ngày 15/11/2021, Bà C có ký Hợp đồng tín dụng số: 4685935.21 (Gọi tắt là Hợp đồng). Ngày 17/11/2021, Ngân hàng đã giải ngân cho Bà C số tiền 710.000.000 đồng theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ. Việc thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 91 và Điều 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

Sau khi được cấp tín dụng, Bà C không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch, số tiền gốc Bà C còn nợ Ngân hàng là 695.173.649 đồng.

Bà C không còn ở địa chỉ nơi cư trú ghi trong Hợp đồng nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết; Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Bà C, nhưng Bà C không đến Tòa để giải quyết, không có văn bản phản đối yêu cầu của Ngân hàng; do đó, yêu cầu của Ngân hàng đòi Bà C trả số tiền nợ gốc 695.173.649 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu Bà C trả tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 27/7/2023 là: 185.377.749 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/7/2023 cho đến khi Bà C trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Theo trình bày của Ngân hàng, do Bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 15/02/2022, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Việc chuyển nợ quá hạn và cách tính tiền lãi của Ngân hàng phù hợp với quy định tại Điều 91, 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010 và thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 17/11/2021. Do đó Ngân hàng yêu cầu Bà C trả tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 27/7/2023 là 185.377.749 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/7/2023 cho đến khi Bà C trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tài sản bảo đảm cho khoản vay:

Trong hợp đồng tín dụng số: 4685935.21 ngày 15/11/2021, các bên thỏa thuận: Bên được cấp tín dụng đồng ý cung cấp cho Q BANK tài sản của bên được cấp tín dụng để đảm bảo toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp tín dụng cho Q BANK theo Hợp đồng này và các hợp đồng bảo đảm được ký kết giữa bên được cấp tín dụng với Q BANK, cụ thể như sau:

Xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: CIVIC RS, biển số: 51K-031.xx, số khung: MRHFC1680LT030736, số máy: L15B74873059.

Bên được cấp tín dụng cam kết cung cấp các biện pháp bảo đảm bổ sung nếu Q BANK có yêu cầu.

Trong hồ sơ vụ án và tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng giao nộp cho Tòa án không thể hiện việc các bên có đăng ký giao dịch bảo đảm. Tại văn bản số: 130224.22 ngày 21/11/2022 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng xác nhận Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến tài sản bảo đảm. Do đó Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của Nguyên đơn theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do các yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Viện Kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc Bà Trần Ngọc Mỹ C phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 27/7/2023 là 880.551.398đ (Tám trăm tám mươi triệu năm trăm năm mươi mốt nghìn ba trăm chín mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc: 695.173.649 đồng, nợ lãi: 185.377.749 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 4685935.21 ngày 15/11/2021 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 17/11/2021.

Kể từ ngày 28/7/2023 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 4685935.21 ngày 15/11/2021, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 17/11/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số: 4685935.21 ngày 15/11/2021, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 17/11/2021 các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Ngọc Mỹ C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.416.542đ (Ba mươi tám triệu bốn trăm mười sáu nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng).

Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q 16.729.358đ (Mười sáu triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn ba trăm năm mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0018107 ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân

sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Tĩnh